TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 359/2022/DS-PT
Ngày 31- 08- 2022
V/v: "TC chia DSTK và đòi lại TS"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hoàng.
Các Thẩm phán: Ông Vũ Toàn Giang;
Bà Đặng Mạnh Cẩm Yến.
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Ninh Việt Hoàng - Thư ký TAND TP Hà Nội.
-Đại diện VKSNDTP. Hà Nội: Bà Nguyễn Mai Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31/8/2022, tại trụ sở TAND Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 273/2021/DSPT về "Tranh chấp chia di sản thừa kế và đòi lại tài sản". Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 07,22,26/01/2021 của TAND huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số164/2022/QĐXX-PT ngày 28/4/2022 của TAND Thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1956. Trú tại: Số nhà 90, đường Nguyễn Đình Chiểu, tổ dân phố 5C, thị trấn Đạ Tẻ, huyện Đạ Tẻ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1954. Trú tại: Thôn Lương Xá, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội. Có mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn Tr (*đã chết năm 2018; Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Truyền*) gồm:

3.1.1. Bà Ngô Thị S, sinh năm 1951 (*vợ ông Truyền*). Có mặt;

3.1.2. Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1973 (*con đẻ ông Truyền*). Có mặt;

3.1.3. Anh Nguyễn Mạnh Tr, sinh năm 1984 (*con ông Truyền*). Vắng mặt;

3.1.4. Anh Nguyễn Mạnh L, sinh năm 1987 (*con đẻ ông Truyền*). Vắng mặt;

3.1.5.Anh Nguyễn Mạnh C *(con đẻ ông Truyền, đã chết năm 2011- Người thừa kế thế vị anh Chiến là* cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 2001 và cháu Nguyễn

Thị Hà T, sinh năm 2004 *cùng là con đẻ anh Chiến). Đại diện theo pháp luật của cháu Trang* là chị Mai Thị H *(mẹ đẻ cháu Trang)*. Vắng mặt;

3.1.6. Chị Nguyễn Thị Minh X (*con đẻ ông Truyền, đã chết năm 2006*). *Người thừa kế thế vị chị Xuyên là* cháu Nguyễn Ngọc Sơn, sinh năm 1997 *(con đẻ chị Xuyên)*. Vắng mặt;

3.2. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1948. Có mặt;

3.3. Bà Đặng Thị Y, sinh năm 1953. Có mặt;

3.4. Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1979. Có mặt;

3.5. Anh Nguyễn Mạnh N, sinh năm 1981. Có mặt;

3.6. Chị Phạm Thị D, sinh năm 1976. Có mặt;

3.7. Chị Nghiêm Thị N, sinh năm 1987. Vắng mặt;

3.8. Chị Nguyễn Thị Lệ B, sinh năm 1975. Vắng mặt.

Cùng ĐKHKTT: Thôn Lương Xá, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, Hà Nội.

3.9. Chị Mai Thị H, sinh năm 1980 *(vợ anh Chiến - con dâu ông Truyền)*. Trú tại: Thôn Trung Thịnh, xã Trường Thịnh, huyện Ứng Hòa, Hà Nội. Vắng mặt;

3.10. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1953. Trú tại: Thôn Bặt Ngõ, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, Hà Nội. Vắng mặt;

3.11. Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1976. Trú tại: Thôn Thanh Sam, xã Trường Thịnh, huyện Ứng Hòa, Hà Nội. Vắng mặt;

3.12. Chị Nguyễn Thị Mai N, sinh năm 1983. Trú tại: Thôn Năm Lu, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt;

3.13. Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1960. Vắng mặt;

3.14. Anh Nguyễn Chí P, sinh năm 1986. Vắng mặt;

3.15. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Đều ĐKHKTT và trú tại: Số nhà 90, đường Nguyễn Đình Chiểu, tổ dân phố 5C, thị trấn Đạ Tẻ, huyện Đạ Tẻ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt;

3.16. Chị Nguyễn Thu M, sinh năm 1984. Trú tại: Thôn 5, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻ, huyện Đạ Tẻ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt;

3.17. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961. Tráu tại: Số nhà 27, thôn Bình Tân, xã Phước Minh, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt;

Đại diện theo ủy quyền của ông Khuyến, bà Hiếu; bà Tý; những người người kế thừa quyền nghĩa vụ ông Truyền (*bà Sáu; các anh Tuyên, Trường, Ly, Sơn, Phương; các chị Huyền, Trang, Hường, Minh và người thừa kế thế vị của anh Chiến chị Xuyên*) là ông Vấn. Có mặt ông Vấn*;*

Đại diện theo ủy quyền của bà Yên, bà Hồng và các chị: Dung, Ngọc, Bính, Như, Bích là ông Nguyễn Văn H. Có mặt ông Học;

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H là bị đơn. Có mặt,

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án, tại cấp sơ thẩm

1. Nguyên đơn – ông Vấn trình bày:

Mẹ đẻ ông là cụ Nguyễn Thị Tý (*chết ngày 24/4/2001*) và bố đẻ ông là cụ Nguyễn Văn Ngọ *(tức Nguyễn Hạ Ngọ chết ngày 13/10/2011*). Có 6 người con gồm:

- Ông Nguyễn Văn Tr, chết năm 2018- *Có vợ là*: Bà Ngô Thị S và 05 con đẻ gồm các anh Tuyên, Trường, Ly, Chiến *(đã chết năm 2011 có 02 con đẻ anh Chiến là* cháu Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị Hà T) và chị Nguyễn Thị Minh X *(đã chết năm 2006, không có chồng, có 01 con là Nguyễn Ngọc Sơn*);
- Ông Nguyễn Văn K;
- Ông Nguyễn Văn H;
- Ông Nguyễn Văn V;
- Bà Nguyễn Thị H;
- Bà Nguyễn Thị H.

Bố mẹ đẻ của bố mẹ ông đều chết trước bố mẹ ông; bố mẹ ông không có con nuôi, con riêng, bố mẹ nuôi nào khác.

Khi còn sống, bố mẹ ông có tài sản chung là thửa đất số 328; Giấy chứng nhận quyền sử dụng số T 364989 (*Sau đây viết tắt là*: GCNQSDĐ số T 364989) do UBND huyện Ứng Hòa cấp ngày 11/5/2004 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Ngọ đã ghi: Loại đất thổ cư diện tích 432m^2 và phần đất 5%. Hiện vợ chồng ông Học quản lý, sử dụng toàn bộ nhà đất tại thửa đất số 328, tờ bản đồ số 10 (*Sau đây viết tắt là* nhà đất thửa số 328) và GCNQSDĐ số T 364989. Theo ông phần đất 5% tiêu chuẩn của bố mẹ ông, của ông và bà Hiếu;

Từ trước những năm 1980 các anh, chị em của ông đều được bố mẹ dựng vợ gả chồng và ở riêng, đều có nhà ở riêng. Ông Học được bố mẹ cho một mảnh đất 260m^2 ở cùng làng. Chỉ mình ông chưa xây dựng gia đình nên ở cùng bố mẹ trên nhà đất thửa số 328. Năm 1983 thì ông kết hôn, vợ chồng ông ở cùng bố mẹ tại nhà đất thửa số 328. Khoảng năm 1983, bố mẹ ông cùng 04 anh em trai ông có họp gia đình có lập Biên bản với nội dung: Cho vợ chồng ông 03 gian nhà cấp bốn xây bằng gạch đỏ, mái lợp ngói ri và toàn bộ mảnh đất trong đó bao gồm 432m^2 đất ở, đất 5% cùng toàn bộ cây cối, tài sản gắn liền trên đất, đồng thời vợ chồng ông phải có trách nhiệm chăm sóc, phụng dưỡng bố mẹ ông nhưng ông Học không ký.

Ngày 05/5/2000 vì tuổi cao, thay tính đổi nết, lúc nhớ, lúc quên nên cụ Ngọ đuổi vợ chồng ông ra khỏi nhà, mọi người khuyên ông tạm đi ở chỗ khác. Do đó tháng 6/2000 vợ chồng và các con ông chuyển vào sinh sống làm ăn trong tỉnh Lâm Đồng; cùng thời gian đó cụ Tý - mẹ đẻ ông có làm đơn ly hôn cụ Ngọ, nhưng mọi người khuyên ngăn nên cụ Tý rút đơn. Ngày 07/12/2000 cụ Tý gọi anh Truyền, chị Sáu, chị Hiếu, chị Huệ, anh Khuyến và một số anh em trong họ cùng có mặt tại nhà

anh Khuyến để chứng kiến việc cụ Tý lập di chúc cho ông được hưởng thừa kế phần tài sản của cụ Tý trong khối tài sản chung với cụ Ngọ. Bản di chúc được lập biên bản với tiêu đề Giấy ủy quyền và thừa kế có đầy đủ chữ ký của mọi người chứng kiến và cụ Tý, toàn bộ chữ viết trong bản di chúc đều do chính tay cụ Tý viết. Ngày 02/4/2001 cụ Tý chết. Từ năm 2000 đến năm 2011 ông vẫn thường xuyên về thăm cụ Ngọ và gửi tiền để cụ chi tiêu sinh hoạt và xây nhà.

Tháng 10/2011 cụ Ngọ chết. Sau khi cụ Ngọ chết được 14 ngày thì toàn thể gia đình, họ hàng họp gia đình, vợ chồng ông có ý kiến sẽ đưa vợ con về quê sinh sống, tất cả đồng ý. Đồng thời ông cũng có ý kiến do ngôi nhà 03 gian xuống cấp nên ông xin được đập đi xây mới thì ông Học có ý kiến để một hai năm nữa mới xây. Đến ngày 02/4/2013 vợ chồng ông về giỗ mẹ xong có họp gia đình thông báo sẽ đưa vợ con về thì Học có quan điểm: Không họp với ai hết, là nhà của ông, nhà thờ là do ông xây. Thấy vậy ông đã xin ý kiến vợ chồng 03 anh chị lớn, nộp đơn đến UBND xã giải quyết, sau đó UBND xã tiến hành hòa giải nhưng ông Học không có mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Trên toàn bộ nhà đất thửa số 328 có các tài sản là: 03 gian nhà cấp 4 xây gạch đỏ, khung gỗ là do bố mẹ ông xây dựng, sau này ông trát tường, hiện đã xuống cấp; các công trình khác là gian nhà đổ nát và nhà gia đình ông Học đang ở lợp mái tôn tầng 2, bể nước, giếng khoan, sân gạch, tường rào hoa sắt, tường rào, nhà tạm, khu bán mái bếp, cửa ngõ đều do ông xây dựng nên, các con ông không có đóng góp gì. Về phần khu nhà tạm trước kia ông Truyền mượn đất của bố mẹ ông để xây nên 01 gian dùng làm quán sửa chữa xe sau này ông Truyền không dùng đến nên bán lại cho ông, nên có thể hiểu gian nhà tạm đó cũng là do ông làm nên. Sau khi ông Học đến ở có sửa nâng cấp gian nhà tạm trước đấy ông Truyền làm quán sửa xe . Khi ở với bố mẹ ngoài việc cải tạo xây dựng thêm các công trình như trên, vợ chồng ông còn tôn tạo, chở đất về đổ nền, kè bờ đất dài 60m, đáy rộng 80, mặt trên rộng 25, cao 1,5m; tổng giá trị tài sản ông tôn tạo xây dựng từ những năm 1980 đến 1986 khoảng 300.000.000 đồng theo giá hiện tại. Ông là người đứng ra nộp tiền thuế đất từ năm 1992 đến năm 2011. Nhưng ông không yêu cầu giải quyết và không tranh chấp về phần tài sản công trình đã xây dựng, tôn tạo.

Nay ông làm đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại theo di chúc của mẹ ông - cụ Tý để lại. Nếu di chúc không hợp pháp thì đề nghị chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do bố mẹ ông để lại và yêu cầu ông Học phải trả lại ông phần diện tích đất 5% theo tiêu chuẩn được Nhà nước chia riêng cho của ông. Ông đề nghị được nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất.

Với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của: Ông Khuyến, bà Hiếu, bà

Sáu, anh Ly, anh Trường, anh Tuyên, chị Hường, chị Huyền, chị Trang, anh Sơn, bà Tý, anh Phương, chị Minh và chị Chiên. Ông Vấn trình bày: Những người này đều ủy quyền cho ông tham gia tố tụng và được toàn quyền quyết định mọi vấn đề của vụ án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã ủy quyền cho ông này đều tặng cho ông kỷ phần mà họ được hưởng. Nên ông xác định quan điểm của những người đã ủy quyền cho ông đều có quan điểm như ông đã trình bày.

2. Bị đơn là ông Học trình bày:

Ông nhất trí về quan hệ huyết thống đúng như ông Vấn trình bày.

Theo ông: Năm 1964, cụ Ngọ cùng các anh chị em ông gồm: Truyền, Khuyến, Hiếu, Học, Vấn chuyển nhà từ Hà Nội về sinh sống tại thôn Lương Xá, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa. Khi chuyển về quê sinh sống do không có đất ở nên cụ Ngọ được chị gái ruột cho riêng 0,4 sào đất tức 144m^2 và được Hợp tác xã cấp riêng cho bố ông 0,8 sào tức 288m^2, tổng diện tích là 432m^2 đất.

Đến năm 1968, mẹ ông (*cụ Tý*) về cùng sinh sống trên mảnh đất của bố ông. Khi lớn lên các anh chị em ông đi lấy vợ, lấy chồng và đều ra ở riêng nơi khác. Năm 1991 nhà nước đo đạc đất đai và hợp hai mảnh đất nêu trên của bố ông thành thửa đất số 328 với tổng diện tích 432m^2.

Sau khi cụ Tý chết, ngày 11/05/2004 , cụ Ngọ được UBND huyện Ứng Hòa, cấp GCNQSD đất đối với toàn bộ diện tích đất nêu trên.

Năm 2008, cụ Ngọ đề nghị toàn bộ gia đình ông về sinh sống nhà đất thửa số 328 để tiện thờ cúng tổ tiên và chăm sóc cụ lúc tuổi già, sau đó gia đình ông đã xây dựng nhà cửa và các công trình phụ trên đất. Trước khi chết, cụ Ngọ có lập di chúc để lại cho ông được hưởng thừa kế toàn bộ nhà đất thửa số 328. Sau khi cụ Ngọ chết, ông cùng toàn bộ anh chị em đã họp và công bố di chúc của cụ Ngọ để lại, các anh chị em ông không ai có ý kiến gì, đều thừa nhận di chúc và đồng ý cho ông được sử dụng toàn bộ nhà đất thửa số 328 theo nguyện vọng của cụ Ngọ, gia đình ông tiếp tục sinh sống, sử dụng, cải tạo, xây dựng trên thửa đất đó cho đến nay.

Các công việc ông đã thực hiện cùng bố mẹ ông như sau:

Năm 1977 ông cùng bố mẹ làm nhà xong mới ra ở riêng. Năm 1978 cụ Ngọ ốm nằm Viện Việt Nam - Cu Ba 01 tháng về bệnh sốt xuất huyết và dạ dày. Năm 1979 cụ Ngọ ốm nằm viện Xanh Pon 1,5 tháng về bệnh Sốt xuất huyết và mổ Sỏi thận. Năm 1982 ông Vấn nhập viện Hà Đông 2 tháng vì gãy chân bó bột 2 lần. Năm 1983 ông kết hợp với bố mẹ cưới vợ cho ông Vấn. Năm 2001 ông lo ma chay, cải cát, làm giỗ cụ Tý. Năm 2004 cụ Ngọ nhập viện Vân Đình 01 tháng về bệnh phế quản, phổi, suy nhược cơ thể. Năm 2005 cụ Ngọ nhập viện Vân Đình 1,5 tháng về bệnh dạ dày cấp và viêm đường thể mật. Năm 2008 cụ Ngọ nhập viện K Trung

ương 1 tháng về bệnh nghi có U và phình quai động mạch. Năm 2011 cụ Ngọ chết, ông lo ma chay và hàng năm ông vẫn tự cúng giỗ bố mẹ.

Nay ông Vấn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại và yêu cầu ông trả lại phần đất 5% tiêu chuẩn của ông Vấn, ông không đồng ý.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Sáu, ông Khuyến, ông Truyền (khi còn sống), vợ chồng bà Hiếu đều thống nhất trình bày: Việc trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Vấn là đúng. Đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của ông Vấn; các ông bà đều đề nghị nếu phần các ông bà được hưởng thì cùng tặng cho lại toàn bộ cho ông Vấn.

3.2. Bà Hồng trình bày : Năm 2001về chịu tang cụ Tý chết , năm 2008 về quê thăm cụ Ngọ ốm và năm 2011 vè chịu tang cụ Ngọ chết thì bà được biết ông Học là người lo toan tất cả mọi việc chăm sóc bố bà lúc khỏe cũng như lúc đau ốm, chu toàn mọi việc. Ông Học lo tang lễ, cải cát, giỗ chạp cho bố mẹ bà. Nay xảy ra tranh chấp chia thừa kế, nếu kỷ phần bà được hưởng bà tặng cho ông Học được hưởng.

3.2. Anh Nho và Tố đều trình bày: Nhất trí nội dung trình bày của ông Học.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Vấn có đơn đề nghị trưng cầu giám định đối với *"Giấy ủy quyền và thừa kế"* của cụ Tý; ông Học có đơn đề nghị trưng cầu giám định đối với *"Bản di chúc"* của cụ Ngọ. Kết luận giám định của Viện khoa học Hình sự - Bộ Công an kết luận: *Bản di chúc của cụ Ngọ với các mẫu so sánh là một người viết, ký ra; Giấy ủy quyền và thừa kế của cụ Tý với các mẫu so sánh không có đủ cơ sở để kết luận có phải do cùng một người ký, viết hay không*.

Cấp sơ thẩm tiến hành xem xét, thẩm định và định giá tài sản tranh chấp. Kết quả: Giá trị quyền sử dụng đất là 8.000.000 đồng/m^2; Toàn bộ tài sản gắn liền trên đất có giá trị 394.873.359 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 07,22,26/01/2021 của TAND huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội. Quyết định:

[I] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V.

1- Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả lại cho ông Nguyễn Văn V được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng diện tích 54m^2 đất 5% theo tiêu chuẩn của Nhà nước cấp cho ông Nguyễn Văn V nằm trong diện tích thuộc thửa đất 328 tờ bản đồ số 10, diện tích 432m^2 (đo đạc thực tế có diện tích là 654,3m^2), loại đất thổ cư (bản đồ năm 2004) tọa lạc tại thôn Lương Xá, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, theo GCNQSD đất số seri T 364989, số vào sổ cấp GCN QSD đất 01909.QSDĐ, do UBND huyện Ứng Hòa cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ngọ ngày 11/5/2004, hiện do gia đình ông Học bà Yên đang quản lý, sử dụng.

2- Xác định một phần diện tích thửa đất số 328, tờ bản đồ số 10, diện tích 432m^2 (đo đạc thực tế diện tích là 654,3m^2), loại đất thổ cư (bản đồ năm 2004) tọa

lạc tại thôn Lương Xá, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, theo GCNQSD đất số seri T 364989, số vào sổ cấp GCN QSD đất 01909.QSDĐ, do UBND huyện Ứng Hòa cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ngọ ngày 11/5/2004 là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Ngọ và cụ Nguyễn Thị Tý là 600,3m^2, trong đó có: 432m^2 đất thổ cư; 60,3m^2 đất lấn chiếm chưa được hợp thức hóa và diện tích 108m^2 đất 5%.

3- Xác định ông Nguyễn Văn Truyền - sinh năm 1947 (chết năm 2018), ông Nguyễn Văn K - sinh năm 1948, bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1952, bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1961, ông Nguyễn Văn H - sinh năm 1954 và ông Nguyễn Văn V - sinh năm 1956 đều là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất nên được hưởng di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Ngọ và cụ Nguyễn Thị Tý nêu trên. Ghi nhận bà Nguyễn Thị H tặng cho lại phần di sản được hưởng thừa kế của mình cho ông Nguyễn Văn H toàn quyền sở hữu; ghi nhận ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H cùng những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn Truyền tặng cho lại phần di sản được hưởng thừa kế của mình cho ông Nguyễn Văn V toàn quyền sở hữu, quản lý, sử dụng.

[II] *Cụ thể phần di sản thừa kế được chia (hưởng) của ông Nguyễn Văn V và ông Nguyễn Văn H như sau:*

1/ Ông Nguyễn Văn V được hưởng di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Ngọ và cụ Nguyễn Thị Tý là diện tích đất 454,2m^2 trong diện tích thửa đất số 328 nêu trên *(trong đó có 288m^2 đất thổ cư; 72m2 đất 5%; 40,2m^2 đất lấn chiếm chưa được hợp thức hóa)*.

Theo sơ đồ phân chia được giới hạn bởi các cạnh điểm 1-2-7-8-1, có số đo, cạnh điểm như sau:

- Phía Đông giáp phần diện tích đất đường bê tông, được xác định điểm cạnh từ 1-2, có số đo 21,25m.

- Phía Tây giáp phần diện tích đất công, được xác định điểm cạnh từ 7-8, có số đo 21,66m.

- Phía Nam giáp phần diện tích đất chia cho ông Học, được xác định điểm cạnh 2-7, có số đo 21,31m.

- Phía Bắc giáp phần diện tích đất công (rãnh nước), được xác định điểm cạnh từ 8-1, có số đo 21,03m.

2/ Ông Nguyễn Văn H được hưởng di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Ngọ và cụ Nguyễn Thị Tý là diện tích đất 200,1m^2 trong diện tích thửa đất số 328 nêu trên *(trong đó có 144m^2 đất thổ cư; 20,1m^2 đất lấn chiếm chưa được hợp thức hóa và 36m^2 đất 5%,)*.

Theo sơ đồ phân chia được giới hạn bởi các điểm 2-3-4-5-6-7-2, có số đo, cạnh như sau:

- Phía Đông giáp phần diện tích đất đường làng bê tông, được xác định điểm cạnh từ 2-3, có số đo 9,25m và giáp phần diện tích đất của ông Nguyễn Hạ quyền, được xác định điểm cạnh từ 4-5, có số đo 0,37m.

- Phía Tây giáp phần diện tích đất công, được xác định điểm cạnh từ 6-7, có số đo 9,25m.

- Phía Nam giáp phần diện tích đất của ông Nguyễn Hạ quyền, được xác định điểm cạnh 3-4 và 5-6, có số đo 4,10m và 17,33m.

- Phía Bắc giáp phần diện tích đất chia cho ông Vấn, được xác định điểm cạnh từ 7-2, có số đo 21,31m.

(Có sơ đồ phân chia đất được xác định giới hạn bởi các điểm cạnh, vị trí diện tích đất kèm theo bản án)

* Ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn V đều có quyền, nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được hưởng di sản của cụ Nguyễn Văn Ngọ và cụ Nguyễn Thị Tý như trên theo quy định của pháp luật về đất đai. Riêng về phần diện tích đất lấn chiếm chưa được hợp thức hóa và diện tích đất 5%, ông Học và ông Vấn trong quá trình quản lý, sử dụng, định đoạt đối với tài sản trên đất và diện tích đất là di sản thừa kế nêu trên thì ông Học và ông Vấn đều phải chấp hành các quyết định, quy định về quản lý đất đai của các cơ quan Nhà nước cấp có thẩm quyền.

[III] Buộc ông Nguyễn Văn V phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H bà Đặng Thị Y số tiền tổng giá trị các công trình xây dựng trên đất là: 394.873.359đ *(ba trăm chín mươi bốn triệu, tám trăm bẩy mươi ba nghìn, ba trăm năm mươi chín đồng).*

* Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H cùng các con, cháu là thành viên gia đình của ông Học bà Yên *(tất cả những người đang sinh sống ở tại trên diện tích đất, các công trình xây dựng trên diện tích đất được chia cho ông Vấn)* phải giao trả lại toàn bộ diện tích đất và các công trình xây dựng trên phần diện tích đất được chia thừa kế cho ông Nguyễn Văn V.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thi hành nghĩa vụ trả tiền; Nghĩa vụ chịu án phí; quyền thỏa thuận thi hành án; quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm. Ông Học kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Sau khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm, Ông Học có nhiều đơn trình bày và đề nghị cấp phúc thẩm xem xét:

- Thu thập hồ sơ, tài liệu, xác minh chứng cứ đối nguồn gốc thửa đất, quyền sở hữu diện tích đất 5% trong diện tích đất đang tranh chấp.

- Tiến hành xem xét thẩm định, định giá lại tài sản đang tranh chấp.

- Đề nghị đảm bảo quyền lợi của gia đình ông đối với công sức tôn tạo và toàn bộ các công trình do gia đình ông xây dựng nên.

- Xin miễn án phí dân sự (*do ông là người cao tuổi*).

Căn cứ yêu cầu của ông Học, cấp phúc thẩm tiến hành xác minh thu thập chứng cứ. Kết quả:

- Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/01/2022. Có sự chúng kiến của các đương sự; chính quyền địa phương và hàng xóm xung quanh. Xác định được: Toàn bộ nhà đất thửa đất số 328 hiện do gia đình ông Học quản lý sử dụng, có diện tích đo thực tế là 651m^2; không có tranh chấp với hàng xóm xung quanh; không mua bán chuyển nhượng thêm; không phát hiện hoặc bị xử lý về lấn chiếm đất công, đã có tường rào xung quanh toàn bộ khuôn viên thửa đất.Biên bản định giá cùng ngày 04/01/2022 Kết luận: Giá trị quyền sử dụng đất thổ cư (*đất ở*) là 11.800.000 đồng/m^2; Giá trị quyền sử dụng đất nông nghiệp (đất 5%) là 948.000 đồng/m^2; Các tài sản trên đất vẫn giữ nguyên như cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định, định giá và các đương sự không đề nghị định giá lại.

- Biên bản làm việc cùng ngày 04/01/2022. UBND xã Liên Bạt và cán bộ chuyên môn cung cấp: Thửa đất số 328, tờ bản đồ số 10 (*đang tranh chấp*) đo đạc thực tế là 651 m^2. Sự chênh lệch này có 162 m^2 đất 5%; 57m^2 đất dôi dư nhưng không có việc lấn chiếm đất công hoặc gia đình liền kề. UBND xã không quản lý diện tích đất dôi dư này. Diện tích đất thực tế bị chênh lệch so với tổng diện tích đất ghi nhận trong GCNQSDĐ và diện tích đất 5% là do cách đo đạc của từng thời kỳ. UBND xã Liên Bạt đề nghị Tòa án xem xét, không đưa UBND xã Liên Bạt tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa ngày 24/8/2022

Ông Vấn, ông Học đều đề nghị Hội đồng xét xử ngừng phiên tòa để đo đạc lại diện tích đất và các bên sẽ tự thỏa thuận phân chia di sản thừa kế.

Ngày 29/8/2022, Cấp phúc thẩm xem xét thẩm định và đo đạc. Các bên đương sự đều nghị phân chia di sản thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất; không yêu cầu xác định, định giá phân chia tài sản trên đất; tài sản gắn liền trên phần đất giao cho ai thì người đó được hưởng theo sơ đồ phân chia quyền sử dụng đất cùng ngày 29/8/2022; không bên nào phải thanh toán chênh lệch cho bên nào.

Tại phiên tòa ngày 31/8/2022.

Bị đơn là ông Học thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

- Chia (giao) cho ông Học (*gồm cả kỷ phần bà Hồng tặng cho ông*) được hưởng, quản lý, sử dụng 285,3m^2 đất nằm giữa thửa đất và toàn bộ các tài sản gắn liền trên phần đất này;

- Chia (giao) cho ông Vấn (*bao gồm cả kỷ phần của những thừa kế của ông Truyền;kỷ phần của ông Khuyến và của bà Hiếu tặng cho ông Vấn*) được hưởng và quản lý, sử dụng lý hai phần đất có tổng diện tích là 365,7m^2 đất. Trong đó: Phần thứ nhất về phía bên trái phần đất giao cho Học (*tính từ cổng đi vào*) có diện tích 186 m^2; Phần thứ hai về phía bên phải phần đất giao cho Học (*tính từ cổng đi vào*) có diện tích 179,7 m^2. Đồng thời ông Vấn được quyền sở hữu toàn bộ các tài sản gắn liền trên toàn bộ diện tích 365,7m^2 đất đất được hưởng; quản lý, sử dụng này.

- Đề nghị ghi nhận việc các bên đã tự phân chia đất, tài sản gắn liền trên đất đúng như sơ đồ phân chia quyền sử dụng đất ngày 29/8/2022 có chữ ký của nguyên đơn, bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do Công ty cổ phần phát triển công nghệ đo đạc và bản đồ Hà Nội thực hiện. Không bên nào phải thanh toán chênh lệch cho bên nào.

Nguyên đơn là ông Vấn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa: Hoàn toàn nhất trí với nội dung thay đổi yêu cầu kháng cáo và các quan điểm ông Học đã trình bày trên.

- Ông Vấn xin rút yêu cầu đề nghị buộc ông Học phải trả lại 54 m^2 đất 5%.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng:

- Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Người kháng cáo thực hiện quyền kháng cáo trong thời hạn luật định. Người kháng cáo thay đổi nội dung kháng cáo trong phạm vi kháng cáo;

- Một số đương sự vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhiều lần và có một số đương sự đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt. Những người vắng mặt đều không kháng cáo nên áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

- **Về nội dung**: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu kháng cáo như ông Học đã trình bày. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng các đương sự có mặt tại phiên tòa đã thống nhất và sửa về nghĩa vụ án phí dân sự.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Các đương sự đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Người kháng cáo nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định. Thay đổi nội dung kháng cáo trong phạm vi kháng cáo;

- Một số đương sự không kháng cáo, vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhiều lần và có một số đương sự đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt. Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành phiên tòa vắng mặt họ.

[2]. Về nội dung

2.1. *Những nội dung các đương sự thống nhất không phải chứng minh:*

- Cụ Nguyễn Văn Ngọ *(tức Nguyễn Hạ Ngọ chết ngày 13/10/2011*) và cụ Nguyễn Thị Tý (*chết ngày 24/4/2001*). Hai cụ có 6 người con đồng thời là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của 02 cụ, gồm:

+ Ông Nguyễn Văn Tr, chết năm 2018- *Người kế thừa của ông Truyền là*: Bà Ngô Thị S (*vợ ông Truyền*) và 05 người con đẻ của ông Truyền gồm các anh Tuyên, Trường, Ly, Nguyễn Mạnh C *(đã chết, người thừa kế thế vị là cháu Nguyễn Thị Thanh H và cháu Nguyễn Thị Hà T – con đẻ anh Chiến*) và chị Nguyễn Thị Minh X *(đã chết, người thừa kế thế vị chị Xuyên là Nguyễn Ngọc Sơn con đẻ chị Xuyên*);

+ Các ông Khuyến, Học, Vấn; bà Hiếu; bà Hồng.

- Tài sản chung của cụ Ngọ, cụ Tý để lại là: Thửa đất số 328, tờ bản đồ số 10, GCNQSD đất số T 364989 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Ngọ. Đo đạc thực tế là 651m^2 bao gồm: 432m^2 đất thổ cư; 162m^2 đất 5%; phần còn lại là 57m^2 dôi dư. Do GCNQSD đất số T 364989 không xác định vị trí giới hạn của từng loại đất nên cùng thống nhất tỷ lệ của từng loại đất như sau: 432m^2 đất thổ cư tương ứng 66,35%; 162m^2 đất 5% tương ứng 24,88%; 57m^2 đất dôi dư tương ứng 8,77%.

- Kỷ phần của những người thừa kế của ông Truyền được hưởng; kỷ phần thừa kế của bà Hiếu, ông Khuyến được hưởng cùng tự nguyện cho tặng ông Vấn được hưởng và gộp chung lại giao cho ông Vấn không yêu cầu phân chia riêng;

- Kỷ phần của bà Hồng được hưởng bà tự nguyện tặng cho ông Học và gộp chung lại giao cho ông Học.

- Đề nghị phân chia di sản thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất; không yêu cầu định giá phân chia tài sản gắn liền trên đất; tài sản gắn liền trên phần đất giao cho ai thì người đó được hưởng theo Sơ đồ phân chia quyền sử dụng đất ngày 29/8/2022; không bên nào phải thanh toán chênh lệch cho bên nào.

- Ông Vấn xin rút yêu cầu đề nghị buộc ông Học phải trả lại 54 m^2 đất 5%.

2.2. Xét kháng cáo của bị đơn:

Ông Học là bị đơn, là người kháng cáo đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Yên, bà Hồng và các anh, chị: Dung, Ngọc, Bính, Như, Bích đề nghị sửa án sơ thẩm như các bên thỏa thuận phân chia tại Sơ đồ phân chia quyền sử dụng

đất ngày 29/8/2022**.** Các bên không phải thanh toán chênh lệch cho nhau.

- Nguyên đơn là ông Vấn (đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông Khuyến, bà Hiếu; bà Tý; những người người kế thừa quyền nghĩa vụ ông Truyền) và được các đương sự là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa gồm: Ông Khuyến, bà Sáu; các anh chị Tố, Nho, Dung, Tuyên hoàn toàn nhất trí.

Xét. Các đương sự có mặt tại phiên tòa thỏa thuận và đề nghị sửa án sơ thẩm phân chia di sản thừa kế theo Sơ đồ phân chia quyền sử dụng đất ngày 29/8/2022 là tự nguyện, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, không trái với pháp luật, đạo đức xã hội. Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng họ đều có quan điểm: Di sản của cụ Ngọ, cụ Tý để lại phân chia cho ông Học và ông Vấn. Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án sơ thẩm quyết định phân chia di sản của cụ Ngọ và cụ Tý để lại cho ông Học và ông Vấn được hưởng không có ai kháng cáo.

Do đó: Hội đồng xét xử chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân chia di sản thừa kế của cụ Ngọ, cụ Tý để lại cho ông Vấn (*và ông Vấn đại diện nhận kỷ phần thừa kế của những người thừa kế ông Truyền; kỷ phần của ông Khuyến, của bà Hiếu*); phân chia di sản thừa kế cho ông Học (*đồng thời ông Học được nhận kỷ phần thừa kế của bà Hồng tặng cho*). Cụ thể như sau:

- Chia (giao) cho ông Nguyễn Văn H (*bao gồm cả kỷ phần bà Hồng tặng cho ông Học*) được hưởng và quản lý, sử dụng 285,3m^2 đất; giới hạn bởi các điểm: 2,5,6$^/$,2$^/$,2 theo sơ đồ các bên đã tự thỏa thuận phân chia ngày 29/8/2022. Trong 285,3m^2 đất ông Học được chia hưởng, quản lý sử dụng được xác định như sau: Đất thổ cư (*đất ở*) là [(*285,3m^2 đất x 66,35%) = 189,29655m^2 (làm tròn là 189,3 m^2 x giá trị quyền sử dụng đất 11.800.000 đ/m^2) = 2.233.740.000 đồng*]; đất 5% là [*(285,3m^2 đất x 24,88%) = 70,98264m^2 (làm tròn là 71m^2 x giá trị quyền sử dụng đất 948.000đ/m^2)= 67.308.000 đồng)*]; đất dôi dư được tạm giao quản lý là [*285,3m^2 đất - 189,3 m^2 (đất ở)- 71m^2 (đất 5%)*] = 25 m^2 (*không tính giá trị bằng tiền mà sau này tuân theo quyết định xử lý của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền*). Đồng thời ông Học được quyền sở hữu ngôi nhà mái bằng và toàn bộ các tài sản gắn liền trên diện tích 285,3m^2 đất được hưởng; quản lý, sử dụng và được tạm giao này. Tổng trị giá quyền sử dụng đất mà ông Học được hưởng thành tiền là 2.301.048.000 đồng.

- Chia (giao) cho ông Nguyễn Văn V (*bao gồm cả kỷ phần của những thừa kế kỷ phần của ông Truyền;kỷ phần của ông Khuyến và kỷ phần của bà Hiếu tự nguyện tặng cho ông Vấn*) được hưởng và quản lý, sử dụng lý hai phần đất có tổng diện tích là 365,7m^2 đất. Trong đó:

+ Phần thứ nhất về phía bên trái phần đất giao cho Học (*tính từ cổng đi vào*) có diện tích 186 m^2; giới hạn bởi các điểm: 2,3,4,5,2 theo sơ đồ các bên đã tự thỏa

thuận phân chiangày 29/8/2022. Trong 186m^2 đất ông Vấn được chia hưởng, quản lý sử dụng được xác định như sau: Đất thổ cư (*đất ở*) là [(186 m^2 *đất x 66,35%) = 123,411m^2 (làm tròn là 123,5 m^2 x giá trị quyền sử dụng đất 11.800.000 đ/m^2) = 1.457.300.000 đồng*]; đất 5% là [*(*186 m^2*đất x 24,88%) = 46,2768m^2 (làm tròn là 46,3m^2 x giá trị quyền sử dụng đất 948.000đ/m^2)= 43.892.400 đồng)*]; đất dôi dư được tạm giao quản lý là [186 m^2*đất - 123,5 m^2 (đất ở)- 46,3m^2 (đất 5%)*] = 16,2 m^2 (*không tính giá trị bằng tiền mà sau này tuân theo quyết định xử lý của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền*). Đồng thời ông Vấn được quyền sở hữu toàn bộ các tài sản gắn liền trên diện tích 186 m^2 đất được hưởng; quản lý, sử dụng và được tạm giao này.

+ Phần thứ hai về phía bên phải phần đất giao cho Học (*tính từ cổng đi vào*) có diện tích 179,7 m^2 ; giới hạn bởi các điểm: 2$^/$,6$^/$,6,1,2$^/$ theo sơ đồ các bên đã tự thỏa thuận phân chiangày 29/8/2022. Trong 179,7m^2 đất ông Vấn được chia hưởng, quản lý sử dụng được xác định như sau: Đất thổ cư (*đất ở*) là : [(179,7 m^2 *đất x 66,35%) = 119,23095m^2 (làm tròn là 119,2 m^2 x giá trị quyền sử dụng đất 11.800.000 đ/m^2) = 1.406.560.000đồng*]; đất 5% là [*(*179,7 m^2 *đất x 24,88%) = 44,70936 m^2 (làm tròn là 44,7m^2 x giá trị quyền sử dụng đất 948.000đ/m^2)= 42.375.600 đồng)*]; đất dôi dư được tạm giao quản lý là [179,7 m^2 *đất - 119,2 m^2 (đất ở)- 44,7m^2 (đất 5%)*] = 15,8 m^2 (*không tính giá trị bằng tiền mà sau này tuân theo quyết định xử lý của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền*). Đồng thời ông Vấn được quyền sở hữu bếp, nhà cũ, nhà tạm và toàn bộ các tài sản gắn liền trên diện tích 179,7 m^2 đất được hưởng; quản lý, sử dụng và được tạm giao này.

Tổng giá trị quyền sử dụng đất hai phần đất chia (giao) cho ông Vấn được hưởng và quản lý, sử dụng trị giá thành tiền là 2.950.128.000 đồng.

Xác định tổng di sản thừa kế do cụ Ngọ, cụ Tý để lại trị giá thành tiền là [2.301.048.000 đồng (*giá trị bằng tiền ông Học được hưởng*) +2.950.128.000 đồng (*giá trị bằng tiền ông Vấn được hưởng*)]= 5.251.176.000 đồng.

Các bên không phải thanh toán chênh lệch cho nhau.

2.3. Đối với việc ông Vấn xin rút yêu cầu đề nghị buộc ông Học phải trả lại 54 m^2 đất 5%.

Xét việc ông Vấn xin rút yêu cầu này không trái với pháp luật, đạo đức xã hội; được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu nguyên đơn đã rút.

2.4. Quan điểm của Kiểm sát viên là đúng pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử .

[3] Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Các ông Khuyến, Học, Vấn; bà Hiếu, bà Hồng, bà Sáu đều trên 60 tuổi xin miễn án phí. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Miễn án phí dân sự cho các ông bà này.

Các đương sự thỏa thuận và Hội đồng xét xử quyết định: Ông Truyền, ông Khuyến, bà Hiếu, ông Vấn được hưởng chung 4 kỷ phần thừa kế trị giá 2.950.128.000 đồng. Do ông Khuyến, bà Hiếu, ông Vấn được miễn án phí dân sự. Riêng kỷ phần thừa kế của ông Truyền trị giá 2.950.128.000/4 = 737.532.000 đồng. Những người thừa kế của ông Truyền chỉ có bà Sáu được miễn án phí. Anh Tuyên; anh Trường; anh Ly; anh Chiến *(do cháu Huyền và cháu Trang thừa kế thế vị)* và chị Xuyên (*do cháu Sơn thừa kế thế vị*) không được miễn án phí. Ông Vấn được hưởng kỷ phần của họ nên ông phải phần chịu án phí dân sự sơ thẩm mà những người thừa kế ông Truyền phải chịu. Cụ thể: Kỷ phần của ông Truyền trị giá là 737.532.000 đồng. Những người thừa kế của ông Truyền, mỗi người được hưởng là: 737.532.000 đồng /6 = 122.922.000 đồng. 05 người con của ông Truyền không được miễn án phí đối với số tiền (122,922,000 đồng x 5 người = 614.610.000 đồng). Mức án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch mà ông Vấn phải chịu thay họ là [*20.000.000 đồng + 4% (614.610.000 đồng – 400.000.000 đồng*)] = 28.584.400 (*làm tròn là* 28,584,000) đồng. Ông Vấn được đối trừ với tạm ứng án phí đã nộp.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông Học tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều: 147,148; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều: 688; 609,610,611.612,613,623,649,650,651,652,660 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Luật người cao tuổi.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST các ngày 07,22,26/01/2021 của TAND huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V về việc đề nghị phân chia di sản của cụ Nguyễn Văn Ngọ (*Nguyễn Hạ Ngọ*) và cụ Nguyễn Thị Tý để lại tại thôn Lương Xá, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội

1.1. Xác định cụ Nguyễn Thị Tý, chết ngày 24/4/2001 và cụ Nguyễn Văn

Ngọ (Nguyễn Hạ Ngọ) chết ngày 13/10/2011. Thời điểm mở thừa kế là ngày hai cụ chết. Hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ gồm:

- Ông Nguyễn Văn Tr, chết năm 2018. *Người kế thừa của ông Truyền gồm*: Bà Ngô Thị S; anh Nguyễn Mạnh T, anh Nguyễn Mạnh Tr; anh Nguyễn Mạnh L; anh Nguyễn Mạnh C *(đã chết- Người thừa kế thế vị anh Chiến là cháu Nguyễn Thị Thanh H và cháu Nguyễn Thị Hà T*); chị Nguyễn Thị Minh X *(đã chết - người kế thừa thế vị là Nguyễn Ngọc Sơn*).

- Ông Nguyễn Văn K;

- Bà Nguyễn Thị H;

- Ông Nguyễn Văn H;

- Ông Nguyễn Văn V;

- Bà Nguyễn Thị H.

Xác định di sản chung của cụ Ngọ và cụ Tý để lại là: Thửa đất số 328, tờ bản đồ số 10, GCNQSD đất số T 364989 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Ngọ. Đo đạc thực tế là 651m^2 bao gồm: 432m^2 đất thổ cư (đất ở), tương ứng 66,35%; 162m^2 đất 5% và 57m^2 đất dôi dư. Tổng trị giá thành tiền là 5.251.176.000 đồng.

Ghi nhận việc ông Vấn, ông Học và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đề nghị xem xét phân chia tài sản gắn liền trên đất.

1.2. Chia di sản thừa thừa kế của cụ Ngọ và cụ Tý để lại:

- Ghi nhận việc những người thừa kế kỷ phần của ông Nguyễn Văn Truyền; việc ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H tự nguyện tặng cho kỷ phần mà họ được hưởng thừa kế từ cụ Ngọ, cụ Tý cho ông Nguyễn Văn V được hưởng;

- Ghi nhận bà Nguyễn Thị H tự nguyện tặng cho kỷ phần mà bà được hưởng thừa kế từ cụ Ngọ, cụ Tý cho ông Nguyễn Văn H được hưởng;

1.2.1. Chia (giao) cho ông Nguyễn Văn H (*bao gồm cả kỷ phần bà Hồng tặng cho ông Học*) được hưởng và quản lý, sử dụng 285,3m^2 đất; giới hạn bởi các điểm: 2,5,6$^/$,2$^/$,2 theo sơ đồ kèm theo bản án. Trong đó: Đất thổ cư (*đất ở*) là 189,3 m^2 ; đất 5% là 71m^2; đất dôi dư được tạm giao quản lý là 25 m^2 *(Riêng phần đất dôi dư 25 m^2 ông Học chỉ được tạm giao quản lý, sử dụng và phải tuân theo quyết định xử lý của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền*). Đồng thời ông Nguyễn Văn H được quyền sở hữu ngôi nhà mái bằng và toàn bộ các tài sản gắn liền trên diện tích 285,3m^2 đất được hưởng; quản lý, sử dụng.

1.2.2. Chia (giao) cho ông Nguyễn Văn V (*bao gồm cả kỷ phần của những thừa kế kỷ phần của ông Truyền;kỷ phần của ông Khuyến và của bà Hiếu tự nguyện tặng cho ông Vấn*) được hưởng và quản lý, sử dụng lý hai phần đất có tổng diện tích là 365,7m^2 đất. Trong đó:

+ Phần thứ nhất về phía bên trái phần đất giao cho ông Nguyễn Văn H (*tính từ cổng đi vào*) có diện tích 186 m^2; giới hạn bởi các điểm: 2,3,4,5,2 theo sơ đồ kèm theo bản án. Trong đó: Đất thổ cư (*đất ở*) là 123,5 m^2 ; đất 5% là 46,3m^2 ; đất dôi dư được tạm giao quản lý là 16,2 m^2 (*Riêng phần đất dôi dư* 16,2 m^2 *ông Vấn chỉ được tạm giao quản lý, sử dụng và phải tuân theo quyết định xử lý của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền*). Đồng thời ông Vấn được quyền sở hữu toàn bộ các tài sản gắn liền trên diện tích 186 m^2 đất được hưởng; quản lý, sử dụng.

+ Phần thứ hai về phía bên phải phần đất giao cho Học (*tính từ cổng đi vào*) có diện tích 179,7 m^2 ; giới hạn bởi các điểm: $2^{/}$,$6^{/}$,6,1,$2^{/}$ theo sơ đồ kèm theo bản án. Trong đó: Đất thổ cư (*đất ở*) là *119,2* m^2 ; đất 5% *44,7*m^2; đất dôi dư được tạm giao quản lý là 15,8 m^2 (*Riêng phần đất dôi dư* 15,8 m^2 *ông Vấn chỉ được tạm giao quản lý, sử dụng và phải tuân theo quyết định xử lý của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền*). Đồng thời ông Vấn được quyền sở hữu: Bếp, nhà cũ, nhà tạm và toàn bộ các tài sản gắn liền trên diện tích 179,7 m^2 đất được hưởng; quản lý, sử dụng.

1.2.3. Ghi nhận các bên đã tự nguyện thỏa thuận không bên nào phải thanh toán chênh lệch cho bên nào.

1.2.4.Toàn bộ diện tích đất và các tài sản gắn liền trên đất mà ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn V được hưởng, được quản lý, sử dụng và được tạm giao theo tiểu điểm 1.2.1 và 1.2.2 điểm 1.2 khoản 1 Quyết định của bản án thuộc thửa đất số 328, tờ bản đồ số 10 tại thôn Lương Xá, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội.

- Ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn V được quyền chủ động đăng ký kê khai với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với phần tài sản được chia (giao) theo Quyết định của bản án; theo quy định pháp luật và phải thực hiện, tuân thủ các quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với diện tích đất do cải tạo, dôi dư chưa được ghi trong GCNQSD đất số T 364989 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Ngọ.

- Khi có yêu cầu: Người đang quản lý GCNQSD đất số T 364989 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Ngọ có quyền, nghĩa vụ giao lại cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc điều chỉnh lại tên chủ sử dụng đất theo Quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật. Trường hợp người đang quản lý không giao hoặc không thể giao lại được thì Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án dân sự năm 2014 và Nghị định số 62/2015/NDD- CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về hướng dẫn Luật Thi hành án dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với phần yêu cầu đề nghị buộc ông Nguyễn Văn H phải trả lại 54 m^2 đất 5% do ông Nguyễn Văn V đã xin rút yêu cầu.

3. Về án phí:

3.1. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn Hoc, ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Sáu.

3.2. Ông Nguyễn Văn V phải chịu 28.584.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là . Đối trừ với 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AM 2010/0008245 ngày 18/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa. Còn phải nộp tiếp 28.284.000 (*Hai mươi tám triệu, hai trăm tám mươi bốn nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.3. Hoàn trả ông Nguyễn Văn H 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002030 ngày 19/02/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay kể từ ngày tuyên án./.

<u>Nơi nhận</u>:
- Các đương sự;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- TAND huyện Ứng Hòa;
- Chi cục THADS huyện Ứng Hòa;
- Cục TTHADS Thành phố Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ vụ án/ VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Minh Hoàng